

NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN
KHOÁ XVI KỲ HỌP THỨ 15

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND năm ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Trên cơ sở Báo cáo của UBND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020, Báo cáo thẩm tra của Thường trực HĐND và ý kiến của các đại biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch 5 năm 2016-2020

1. Mục tiêu tổng quát

Tăng cường đoàn kết, phát huy nội lực, đẩy mạnh thu hút ngoại lực, xây dựng Nghệ An trở thành tỉnh khá trong khu vực phía Bắc, phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, là trung tâm về tài chính, thương mại, du lịch, giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ, y tế, văn hoá, thể thao, công nghiệp công nghệ cao của vùng Bắc Trung Bộ; có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, từng bước hiện đại; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao; có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc xứ Nghệ; quốc phòng an ninh vững chắc, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm; hệ thống chính trị vững mạnh.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

a) Các chỉ tiêu về kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm nội địa (GRDP) bình quân 2016 - 2020 đạt 11,0 - 12,0%/năm.
- GRDP bình quân đầu người đạt khoảng 70 - 75 triệu đồng.
- Cơ cấu kinh tế: Công nghiệp - xây dựng 40 - 41%, dịch vụ 40 - 41%, nông lâm ngư nghiệp 18 - 20%.
- Kim ngạch xuất khẩu khoảng 1,2 tỷ USD.
- Thu ngân sách trên địa bàn đạt 25.000 - 30.000 tỷ đồng.
- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 400.000 tỷ đồng.

- Yếu tố năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) đóng góp vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh đạt 25% - 30%.

- Có 50% số xã và 3 huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

- Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đến năm 2020 là 35%.

b) Các chỉ tiêu về văn hóa xã hội:

- Tỷ lệ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hoá 83 - 85%; tỷ lệ làng, bản, khu phố văn hoá đạt 60 - 62%; 60-65% số xã, phường, thị trấn có thiết chế văn hoá, thể thao đạt chuẩn quốc gia.

- Tỷ lệ người dân tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên đạt 33 - 35%; tỷ lệ gia đình thể dục, thể thao 23 - 25%.

- Có 70% số trường đạt chuẩn quốc gia.

- Có 8,5 bác sỹ và 30 giường bệnh trên 1 vạn dân; 75% xã phường đạt tiêu chí quốc gia về y tế. Tỷ lệ bao phủ Bảo hiểm y tế đạt 80,7%.

- Tốc độ tăng dân số tự nhiên hàng năm bình quân dưới 1%.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 65%, trong đó lao động qua đào tạo nghề đạt 61%. Bình quân hàng năm giải quyết việc làm cho khoảng 35 - 37 ngàn lao động. Giảm tỷ lệ lao động thất nghiệp khu vực thành, thị xuống dưới 2,5%.

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm mỗi năm khoảng 2 - 3%, vùng miền núi từ 3 - 4% (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016 - 2020).

c) Chỉ tiêu về môi trường:

- Nâng tỷ lệ che phủ rừng đạt 57%.

- Có 85% số hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh; 90% dân số đô thị loại 4 trở lên và 80% dân số đô thị loại 5 được dùng nước sạch; 80% cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường; 90% khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường.

- Đảm bảo tỷ lệ chất thải được thu gom, xử lý đạt 95%.

d) Chỉ tiêu về quốc phòng, an ninh:

- Có 85% số xã, phường, thị trấn đạt cơ sở an toàn làm chủ, sẵn sàng chiến đấu vững mạnh toàn diện.

Điều 2. Nhiệm vụ, giải pháp lớn của kế hoạch 5 năm 2016 – 2020

1. Đổi mới tư duy, phát huy dân chủ, đoàn kết đồng thuận, tạo sức mạnh tổng hợp thực hiện Nghị quyết 26-NQ/TW của Bộ Chính trị về

phương hướng, nhiệm vụ phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2020 và triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2015-2020

- Các cấp, các ngành quán triệt xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch triển khai chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2016-2020 ngay năm đầu. Nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước trên các lĩnh vực và chất lượng công tác quy hoạch, kế hoạch, dự báo; Đồng thời có sự phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ban, ngành Trung ương để thực hiện. Tổ chức thực hiện quyết liệt ở tất cả các ngành, các cấp với sự tham gia của cả hệ thống chính trị, của cộng đồng doanh nghiệp và mọi người dân.

- Tiếp tục tổ chức thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2020; Quyết định 620/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nghệ An đến 2020. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án phát triển kinh tế - xã hội miền Tây tỉnh Nghệ An đến năm 2020; Chương trình hành động số 3278/QĐ-UBND ngày 30/7/2013 của UBND tỉnh thực hiện Đề án tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng và các đề án tái cơ cấu ngành, lĩnh vực theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Tận dụng, phát huy cơ hội, lợi thế, đồng thời giảm thiểu tiêu cực do quá trình hội nhập đem lại.

- Thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới. Khuyến khích nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP của Chính phủ. Đẩy mạnh xây dựng mô hình sản xuất theo hướng liên kết chặt chẽ giữa kinh tế hộ gia đình với doanh nghiệp, với thị trường để đưa nông nghiệp lên quy mô lớn, giá trị gia tăng cao.

- Thực hiện tái cơ cấu công nghiệp, tập trung phát triển các sản phẩm công nghiệp có lợi thế cạnh tranh. Phát triển các ngành công nghiệp có hàm lượng khoa học công nghệ, giá trị gia tăng, thúc đẩy công nghiệp phụ trợ.

- Triển khai có hiệu quả các chương trình xúc tiến thương mại, đầu tư, du lịch. Phát triển các ngành dịch vụ có lợi thế, có giá trị gia tăng như du lịch, viễn thông, công nghệ thông tin, tài chính, ngân hàng... Tăng cường công tác tuyên truyền, quảng bá, tiếp thị để nâng cao vị thế và uy tín của các sản phẩm hàng hóa.

Đẩy mạnh liên kết với vùng Bắc Trung Bộ và cả nước, tận dụng các tiềm năng và thế mạnh của các địa phương khác, khai thác thị trường trong vùng tạo hiệu quả cho phát triển. Phối hợp với các tỉnh khác nhằm phát huy lợi thế của mỗi địa phương trên tinh thần hợp tác phát triển cùng có lợi, tập trung vào các lĩnh vực

đầu tư, thương mại, du lịch, y tế... Phát triển các hành lang kinh tế Đông - Tây, mở rộng liên kết hợp tác phát triển với các nước Lào, Đông bắc Thái Lan, Myanmar và các nước khác.

2. Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi để phát triển

Tăng cường các giải pháp thu hút đầu tư và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh. Thay đổi quan điểm về xúc tiến đầu tư. Phải coi nhà đầu tư là đối tượng phục vụ. Tiếp tục chuẩn bị các điều kiện cần thiết để thu hút đầu tư thông qua việc cải thiện và tạo lập môi trường đầu tư thực sự hấp dẫn. Trong đó, chú trọng nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, xác định rõ các ngành nghề, lĩnh vực, dự án, địa bàn tập trung thu hút đầu tư trong ngắn hạn và dài hạn; tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, khắc phục những nguyên nhân trở ngại làm ảnh hưởng đến môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh, đặc biệt là các nguyên nhân chủ quan do lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của các cấp, các ngành. Tiếp tục đổi mới cách thức thực hiện và nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với các dự án đầu tư

Tập trung nguồn lực, giải quyết các khó khăn, vướng mắc để các chương trình, dự án trọng điểm thực hiện đúng tiến độ nhằm thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

- Thực hiện nề nếp việc kiểm điểm tiến độ và kết quả thực hiện chương trình công tác đã đề ra theo cơ chế điều hành, nhất là những lĩnh vực đang làm cản trở sự phát triển (giải phóng mặt bằng, cấp giấy chứng nhận sử dụng đất, thủ tục hành chính, khoáng sản...). Phân công trách nhiệm chỉ đạo cụ thể, toàn diện của từng đồng chí lãnh đạo theo chương trình, đề án. Nắm bắt các thông tin và kiến nghị từ cơ sở để có phương án, biện pháp xử lý và giải quyết kịp thời.

- Tiếp tục thực hiện Quyết định của UBND tỉnh về phân công theo dõi các dự án đầu tư trọng điểm để đôn đốc, chỉ đạo tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc cho các nhà đầu tư. Đôn đốc, chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng điểm như Khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ VSIP Nghệ An, Nhà máy xi măng Sông Lam, Nhà máy Tôn Hoa Sen, Nhiệt điện Quỳnh Lập 1,... Tập trung nguồn lực để bố trí cho công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, đẩy nhanh tiến độ các dự án.

Đổi mới phương thức hoạt động, quản lý của các doanh nghiệp thích ứng với hội nhập sâu quốc tế (TPP, WTO, AEC...). Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách ưu đãi đầu tư hiện hành của nhà nước, cho các doanh nghiệp được hưởng mức ưu đãi đầu tư cao nhất của pháp luật. Nghiên cứu, ban hành và thực hiện các cơ chế chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư của tỉnh phù hợp với pháp

luật và thực tế. Tăng cường hỗ trợ các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, các doanh nghiệp sử dụng công nghệ tiên tiến.

Chuyển căn bản các hợp tác xã sang tổ chức, hoạt động theo Luật Hợp tác xã. Kiện toàn và nâng cao năng lực cho đơn vị đầu mối thực hiện chính sách phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã. Nâng cao hiệu quả hoạt động Liên minh hợp tác xã, các hội nghề nghiệp để tập hợp và hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã phát triển.

Có chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện xây dựng, phát triển đội ngũ doanh nhân; phát huy tiềm năng và vai trò tích cực của người Nghề An sinh sống, học tập trong và ngoài nước: Xây dựng đội ngũ doanh nhân, doanh nghiệp của tỉnh vững mạnh, đẩy mạnh phát triển sản xuất kinh doanh, tạo việc làm, thu nhập cho người lao động, đóng góp ngân sách, nâng cao chất lượng sản phẩm.

3. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tập trung cho đầu tư phát triển

- Tăng cường huy động nguồn lực trong và ngoài nước cho đầu tư phát triển. Triển khai các Luật về đầu tư (như Luật đầu tư công, Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật Xây dựng,...). Khuyến khích và tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, nhất là khu vực nông nghiệp, nông thôn. Đẩy mạnh các hình thức đầu tư ngoài ngân sách nhà nước để tăng nguồn lực đầu tư toàn xã hội, kết hợp với nâng cao chất lượng quản lý đầu tư, đầu tư công. Nâng cao hiệu quả đầu tư theo kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020.

- Đa dạng hóa các hình thức huy động vốn nhất là nguồn vốn của các doanh nghiệp, vốn trong dân và trong các thành phần kinh tế, bằng phương thức kết hợp Nhà nước và nhân dân cùng làm, đối tác công - tư (PPP). Mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế đối ngoại, liên kết phát triển. Tiếp tục tăng cường các biện pháp vận động tài trợ vốn ODA, thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp thúc đẩy giải ngân vốn ODA. Đẩy mạnh thu hút và nâng cao chất lượng các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương hợp lý, hiệu quả, đẩy mạnh công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc sử dụng ngân sách. Tăng cường các giải pháp xã hội hóa đầu tư, nhất là trong lĩnh vực giao thông nông thôn, giáo dục, đào tạo, y tế..

- Tập trung các giải pháp tăng thu ngân sách như xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế đẩy mạnh hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh và xuất khẩu, qua đó tạo động lực và cơ sở để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo nguồn thu bền vững cho ngân sách. Tăng cường quản lý thu tiền sử dụng đất, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu.

Ưu tiên đầu tư để từng bước đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng, khắc phục dần tình trạng đầu tư dàn trải. Khuyến khích mạnh mẽ các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, góp vốn xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ. Nâng cao chất lượng công tác quản lý đầu tư và xây dựng. Chủ động lập quy hoạch, kế hoạch, xây dựng các chương trình dự án, tạo điều kiện giúp các nhà đầu tư có điều kiện lựa chọn và quyết định đầu tư có hiệu quả.

4. Phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn và các vùng kinh tế trọng điểm làm động lực cho sự phát triển của tỉnh

a) Các mũi trọng điểm trong phát triển kinh tế:

- Tập trung phát triển nông, lâm, ngư nghiệp ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ cao gắn với công nghiệp chế biến.

Trồng rừng sản xuất đảm bảo nguyên liệu cho công nghiệp chế biến gỗ, phát triển công nghiệp chế biến than củi sạch trên cơ sở sử dụng phế phẩm từ chế biến gỗ. Ứng dụng công nghệ cao trong đầu tư thâm canh cây cam quýt, chanh leo theo quy trình sản xuất nông nghiệp tiên tiến ở những nơi có điều kiện. Xây dựng vùng sản xuất các loại cây dược liệu tập trung ở các huyện miền núi để tạo vùng nguyên liệu cho nhà máy chế biến. Tập trung phát triển chăn nuôi gia súc (trâu, bò, lợn), gia cầm gắn với công nghiệp chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Tập trung thu hút đầu tư vào bảo quản, chế biến thủy sản...

- Phát triển công nghiệp công nghệ cao và công nghiệp chế biến gắn với tiềm năng lợi thế của tỉnh tạo ra sản phẩm chủ lực có sức cạnh tranh cao trong nước và quốc tế như xi măng, đá trắng, đá granit, dệt may, điện, dược liệu, bia, sữa, mía đường.

Phát triển các dự án công nghiệp công nghệ cao như công nghiệp vật liệu mới, công nghiệp cơ khí chính xác, công nghiệp sản xuất linh kiện, lắp ráp điện tử, công nghiệp lắp ráp ô tô, công nghiệp phục vụ phát triển kinh tế biển... Tập trung phát triển công nghệ thông tin, thu hút đầu tư các dự án về công nghệ thông tin vào Khu kinh tế Đông Nam và thành phố Vinh. Kêu gọi đầu tư mới các ngành công nghiệp hoá chất phụ trợ, phát triển một số loại hoá dược chất lượng cao, hàng hóa tiêu dùng trong khu công nghiệp, đô thị VSIP...

Tập trung chỉ đạo hoàn thành giai đoạn 1 các dự án xi măng Sông Lam 1, Tân Thắng, Hoàng Mai 2, phần đầu để triển khai đầu tư tiếp giai đoạn 2 nhà máy xi măng Sông Lam 1 và Hoàng Mai 2 vào cuối năm 2020. Phát triển các cơ sở khai thác, chế biến thiếc, đá ốp lát, bột đá trắng ở Nghĩa Đàn, Tân Kỳ, Quỳnh Hợp phục vụ cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Hoàn chỉnh đầu tư cụm công nghiệp sợi, may Nam Giang (Nam Đàn). Xây dựng các dự án sợi, dệt, may trong Khu kinh tế Đông Nam và tại Thái Hòa, Nghĩa Đàn, Hoàng Mai, Đô Lương, Diễn Châu, Yên Thành, Thanh Chương. Tập trung đẩy nhanh để hoàn

thành đầu tư các dự án thủy điện đã có giấy phép đầu tư, Trung tâm nhiệt điện Quỳnh Lập (giai đoạn 1), xây dựng nhiệt điện Quỳnh Lập (giai đoạn 2). Phát triển vững chắc đàn bò sữa, đầu tư giai đoạn 2 Nhà máy sữa TH. Tập trung nâng cấp Nhà máy bia Sài Gòn - Nghệ An, Nhà máy bia Hà Nội. Đầu tư thâm canh nâng cao năng suất đảm bảo đủ nguyên liệu chế biến cho các nhà máy đường.

- Phát triển du lịch, dịch vụ trọng tâm là phát triển du lịch biển đảo gắn với du lịch văn hóa lịch sử, tâm linh, du lịch sinh thái và các dịch vụ đào tạo nguồn nhân lực, tài chính ngân hàng, y tế, thông tin truyền thông; phát triển thương mại đặc biệt là xuất khẩu hàng hóa.

Phát triển mạnh các cơ sở, điểm du lịch biển ở Cửa Lò, Diễn Thành (Diễn Châu), Quỳnh Phương (Hoàng Mai), biển Quỳnh (Quỳnh Lưu)... Đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án Quần thể du lịch sinh thái nghỉ dưỡng biển kết hợp giải trí, thể thao Lan Châu; Wingroup - Song Ngư và các dự án đầu tư khách sạn cao cấp. Hoàn thiện hệ thống công viên và dịch vụ ven bãi biển. Thu hút đầu tư các công trình văn hóa, thể thao, dịch vụ vui chơi giải trí, cơ sở mua sắm gắn với phát triển loại hình du lịch sinh thái, làng nghề, du lịch văn hóa tâm linh.

Nâng cao hiệu quả hoạt động du lịch tại Khu di tích Kim Liên. Đẩy nhanh tiến độ dự án phục dựng chùa Đại Tuệ, trùng tu tôn tạo chống xuống cấp các di tích. Tập trung kêu gọi đầu tư các dự án Khu lâm viên Núi Quyết - Bến Thủy, Khu du lịch sinh thái ven sông Lam, khu vui chơi giải trí tổng hợp Nam thành phố Vinh. Đẩy mạnh xúc tiến kêu gọi đầu tư vào khu du lịch thác Xao Va, khu du lịch thác Kẽm gắn với các tour du lịch đi bộ, leo núi trong Vườn quốc gia Pù Mát, du lịch trên sông Giăng, du lịch tìm hiểu và trải nghiệm văn hóa cộng đồng làng bản các dân tộc Con Cuông, Tương Dương, Kỳ Sơn, Quỳnh Châu, Quế Phong.

Hình thành các tour du lịch gắn kết du lịch biển, du lịch văn hóa lịch sử, tâm linh, du lịch sinh thái, du lịch dựa vào cộng đồng. Tăng cường liên kết xây dựng sản phẩm, thương hiệu du lịch giữa các địa bàn trọng điểm du lịch Vinh - Cửa Lò - Nam Đàn - Con Cuông - Yên Thành - Quỳnh Châu. Mở rộng liên kết với các điểm du lịch tại Thanh Hóa, Hà Tĩnh và trong khu vực.

Tập trung phát triển các lĩnh vực dịch vụ tài chính ngân hàng, đào tạo nguồn nhân lực, y tế và thông tin truyền thông trở thành trung tâm của vùng Bắc Trung Bộ.

Đẩy mạnh các hoạt động xuất nhập khẩu với sự tham gia của mọi thành phần kinh tế; tập trung phát triển thị trường cho các sản phẩm có sức cạnh tranh lớn; đa phương hoá thị trường, đa dạng hoá bạn hàng, đẩy mạnh xuất khẩu tiêu thụ trực tiếp. Chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu theo hướng tăng tỷ trọng sản phẩm qua chế biến, giảm dần các mặt hàng xuất khẩu thô, có giá trị gia tăng thấp.

- Đẩy mạnh phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng và mạng lưới đô thị.

Đẩy mạnh huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực xã hội để tiếp tục đầu tư hình thành hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, ưu tiên cho các lĩnh vực trọng tâm là: hạ tầng giao thông (đường giao thông, cảng biển, sân bay, cửa khẩu), hạ tầng khu công nghiệp và hạ tầng đô thị.

Tổ chức quy hoạch, xây dựng các đô thị trung tâm trên các vùng một cách hợp lý, phù hợp với Chương trình phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2014 - 2020 và phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của tỉnh. Đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa trên phạm vi toàn tỉnh. Hình thành hệ thống đô thị: Vinh - Cửa Lò; Thái Hòa, trung tâm vùng phía Tây Bắc; Hoàng Mai, trung tâm Nam Thanh Bắc Nghệ; các đô thị giữ vai trò chức năng khác như: Phú Diễn huyện Diễn Châu, Đô Lương, Tân Kỳ. Xây dựng Con Cuông theo hướng đô thị sinh thái, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội ở vùng miền núi Tây Nam. Phấn đấu 100% xã có đường giao thông vào trung tâm; hoàn thành 50% xã có cầu treo dân sinh; 100% xã có điện thấp sáng; Không có nhà trường dột nát; 50% trường học khu vực miền núi có nhà ở bán trú.

- Đẩy mạnh cải cách thể chế kinh tế mà trọng tâm là cải cách hành chính tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng.

Đổi mới việc ban hành, thực thi các cơ chế, chính sách đảm bảo cạnh tranh bình đẳng, minh bạch giữa các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Đổi mới công tác quy hoạch, kế hoạch và điều hành phát triển kinh tế theo cơ chế thị trường đồng thời thực hiện tốt chính sách xã hội. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là thủ tục hành chính. Phát triển đội ngũ doanh nghiệp về số lượng, về năng lực quản trị, đạo đức, trách nhiệm trong kinh doanh.

b) Phát triển các vùng kinh tế trọng điểm:

Tiếp tục xác định và tập trung phát triển 3 vùng kinh tế trọng điểm:

Phát triển thành phố Vinh - thị xã Cửa Lò - các huyện đông nam tỉnh gắn với vùng Nam Nghệ An - Bắc Hà Tĩnh.

Tập trung chỉ đạo thực hiện Quyết định số 52/QĐ-TTg ngày 14/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Vinh đến năm 2030, tầm nhìn 2050; Quyết định số 2355/QĐ-TTg ngày 25/12/2014 về việc công nhận đô thị du lịch biển Cửa Lò, tỉnh Nghệ An. Xây dựng thành phố Vinh thành trung tâm vùng Bắc Trung Bộ về tài chính, thương mại, du lịch, khoa học công nghệ, công nghệ thông tin, công nghiệp công nghệ cao, y tế, văn hóa, thể thao, giáo dục đào tạo; cùng với Cửa Lò phát triển thành cực tăng trưởng và mũi nhọn tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Xây dựng Khu kinh tế Đông Nam thành khu kinh tế đa ngành, đa chức năng trọng điểm của cả nước, gắn với thành phố Vinh trở thành địa bàn phát triển có tính đột phá của tỉnh. Hoàn thiện hạ tầng và tạo cơ chế thuận lợi để triển khai đầu tư phát triển khu

công nghiệp, dịch vụ và đô thị VSIP Nghệ An. Phát triển các huyện Hưng Nguyên, Nam Đàn, Nghi Lộc trở thành vệ tinh quan trọng kết nối với Vinh - Cửa Lò, có công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ phát triển, hình thành vùng nông nghiệp hàng hóa, công nghệ cao phục vụ cho các vùng công nghiệp, đô thị.

Phát triển vùng Hoàng Mai - Quỳnh Lưu gắn với vùng Nam Thanh Hóa - Bắc Nghệ An.

Phát triển các khu công nghiệp Hoàng Mai, Đông Hồi với các ngành công nghiệp động lực như xi măng, nhiệt điện, luyện và chế biến thép, cơ khí, hoá chất, vật liệu xây dựng, cảng biển và một số ngành công nghiệp hỗ trợ. Xây dựng các cơ sở du lịch biển, du lịch nghỉ dưỡng, phục vụ các khu công nghiệp và nhân dân các vùng lân cận. Phát triển các cơ sở nuôi trồng thủy hải sản, các vùng chuyên canh rau, các cơ sở đánh bắt, chế biến hải sản. Phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ hỗ trợ cho các dự án lớn tại Khu kinh tế Nghi Sơn.

Phát triển kinh tế miền Tây Nghệ An, trọng điểm vùng là Tân Kỳ - Đô Lương - Nghĩa Đàn - Thái Hòa - Quỳnh Hợp.

Khuyến khích và hoàn thiện các mô hình kinh tế tập trung, kinh tế trang trại theo hướng phát triển chuyên canh cây công nghiệp, cây ăn quả, chăn nuôi đại gia súc, trồng rừng (cao su, chè, mía, cam, chanh leo, dược liệu, trâu, bò, cây lâm nghiệp,...), gắn với giải quyết các vấn đề an sinh xã hội. Tận dụng, khai thác tốt các hồ đập lớn, các hồ thủy điện, thủy lợi để nuôi trồng thủy sản. Phát triển các ngành công nghiệp động lực là: thủy điện, xi măng, vật liệu xây dựng, chế biến nông lâm sản, công nghiệp khai khoáng. Thành lập khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với trung tâm là huyện Nghĩa Đàn. Phát triển thương mại, dịch vụ, đô thị tại thị xã Thái Hòa và các thị trấn, thị tứ. Chuẩn bị các điều kiện để hình thành khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy nhằm phát triển giao lưu kinh tế với Lào, vùng Đông Bắc của Thái Lan và Myanmar.

5. Tập trung đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới

Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng nông nghiệp sinh thái, ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ cao. Đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu nội ngành nông nghiệp trên cơ sở áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng nâng cao giá trị gia tăng. Khuyến khích, tạo điều kiện để doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn phát triển các vùng sản xuất tập trung quy mô lớn gắn với công nghiệp chế biến và xuất khẩu, ứng dụng công nghệ cao, nhằm hình thành một số chuỗi giá trị sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh trên thị trường với giá trị gia tăng cao và bền vững, góp

phần tạo bước đột phá trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp. Tăng nhanh tỷ trọng giá trị chăn nuôi và thủy hải sản.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020, kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế biển đảo gắn với bảo vệ chủ quyền lãnh thổ. Phát triển mạnh các ngành công nghiệp gắn với kinh tế biển như công nghiệp chế biến hải sản, công nghiệp cơ khí đóng mới và sửa chữa tàu biển, công nghiệp cảng, dịch vụ cảng và kho bãi phục vụ kinh tế biển... Quan tâm đầu tư công nghệ bảo quản sản phẩm sau khai thác, nuôi trồng, tiếp tục phát triển các sản phẩm chế biến truyền thống.

Bảo vệ và phát triển diện tích rừng phòng hộ, sử dụng các biện pháp kỹ thuật lâm sinh tiên tiến làm giàu rừng bằng các loài cây bản địa, ưu tiên đầu tư trồng mới rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng chắn sóng, lấn biển. Bảo vệ rừng đặc dụng, bảo vệ quỹ gen, bảo đảm đa dạng sinh học và các mô hình bền vững cho bảo tồn đa dạng sinh học.

Thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới trên cơ sở chú trọng phát triển sản xuất, đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ tại địa bàn nông thôn. Phát triển tiểu thủ công nghiệp, các làng nghề gắn liền với bảo vệ môi trường. Tiếp tục xây dựng và nhân rộng các mô hình kinh tế có hiệu quả. Phát triển các hình thức kinh tế hợp tác, kinh tế hộ, kinh tế trang trại, gia trại để thu hút tạo việc làm tại chỗ. Tăng cường huy động nguồn lực để xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn. Đẩy mạnh chương trình sắp xếp ổn định dân cư, nhất là ổn định dân cư vùng tái định cư các dự án phải di dời dân.

6. Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVII về phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và đề án về phát triển các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Nghệ An đến năm 2020, theo hướng trở thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực của vùng Bắc Trung Bộ. Tập trung phát triển nguồn nhân lực đảm bảo cả về thể lực và trí lực trên cơ sở củng cố hệ thống giáo dục từ bậc học mầm non, phổ thông, đến đào tạo chuyên nghiệp, giáo dục nghề nghiệp và phát triển hệ thống hạ tầng xã hội như y tế, văn hoá... Chú trọng đào tạo nâng cao trình độ tay nghề của người lao động, nhất là nông dân và đào tạo công nhân có trình độ tay nghề cao. Gắn việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế với cơ cấu lao động trên cơ sở làm tốt công tác đào tạo theo các ngành nghề.

Tăng cường, tập trung nguồn lực ngân sách nhà nước kết hợp với tăng cường xã hội hoá, huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển nguồn nhân lực. Đẩy mạnh hợp tác, khuyến khích đầu tư của khu vực tư nhân, đầu tư nước ngoài và sự tham gia của người dân để thực hiện hiệu quả các chương trình của nhà nước.

Xây dựng và thực hiện chương trình phát triển đội ngũ nhân lực khu vực công, trong đó ưu tiên phát triển nhân lực lãnh đạo, quản lý. Ưu tiên chăm lo công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhất là cho đội ngũ cán bộ miền núi, cán bộ cấp xã. Ưu tiên đào tạo chuyên sâu để hình thành được đội ngũ chuyên gia đầu đàn có trình độ cao. Quan tâm bồi dưỡng nâng cao trình độ quản trị doanh nghiệp. Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung chính sách thu hút nguồn nhân lực có chất lượng phục vụ phát triển kinh tế xã hội của tỉnh và tạo điều kiện, môi trường thuận lợi để đội ngũ trí thức phát huy hiệu quả năng lực, sở trường. Đổi mới, nâng cao chất lượng thi tuyển công chức và triển khai có hiệu quả chủ trương thi tuyển các chức danh lãnh đạo, quản lý.

Triển khai liên kết với các tập đoàn kinh tế, cơ sở đào tạo của nước ngoài để đào tạo kỹ sư chất lượng cao về các lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới... Triển khai nhiều hình thức đào tạo, tập huấn, nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo và đào tạo nghề. Xây dựng Trung tâm đào tạo giáo dục định hướng, ngoại ngữ để đảm bảo yêu cầu chất lượng và tăng nhanh số lượng lao động xuất khẩu.

7. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đảm bảo môi trường

Thực hiện đồng bộ ba nhiệm vụ chủ yếu: đổi mới nghiên cứu, ứng dụng; nâng cao năng lực khoa học, công nghệ; đổi mới cơ chế quản lý. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong sản xuất kinh doanh, trong quản lý hành chính và trong lãnh đạo, chỉ đạo điều hành công việc hàng ngày của các ngành, các cấp.

Triển khai các dự án ứng dụng KHCN trong phát triển các cây, con chủ lực trên địa bàn tỉnh, nhất là miền Tây Nghệ An. Tiếp cận nhanh và áp dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất và đời sống; hình thành và phát triển một số lĩnh vực công nghệ cao như công nghệ thông tin và công nghệ sinh học, trong đó ưu tiên cho việc khảo nghiệm, đưa các loại giống cây, con có năng suất cao, chất lượng tốt và tính thích nghi cao vào sản xuất, đồng thời đầu tư khoa học công nghệ phát triển các sản phẩm truyền thống thành hàng hóa. Tăng mức đầu tư mở rộng mạng lưới, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công, thú y, bảo vệ thực vật từ tỉnh đến huyện, xã. Hỗ trợ nông dân ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp.

Đẩy mạnh nghiên cứu các lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, tổng kết thực tiễn phục vụ cho nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của chính quyền và xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Nghiên cứu khai thác các giá trị truyền thống văn hoá, lịch sử của quê hương phục vụ cho nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội.

Đầu tư tăng cường cơ sở vật chất cho các đơn vị khoa học công nghệ trọng điểm. Cùng cố và nâng quy mô tài chính cho Quỹ phát triển khoa học và công nghệ gắn với thu hút nguồn lực xã hội đầu tư cho phát triển khoa học và công nghệ. Ưu tiên đầu tư các dự án thuộc Đề án xây dựng Nghệ An thành trung tâm khoa học công nghệ vùng Bắc Trung bộ. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về khoa học công nghệ, xây dựng và triển khai chương trình hợp tác khoa học công nghệ với các cơ quan khoa học công nghệ nước ngoài.

Bảo đảm yêu cầu về môi trường ngay từ khâu thẩm định, phê duyệt các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư, thực hiện nghiêm việc đánh giá tác động môi trường.

Kiểm soát chặt chẽ chất thải, nhất là chất thải độc hại. Kiểm tra và xử lý nghiêm các hành vi gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường. Khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực bảo vệ môi trường, thu gom, xử lý chất thải. Xử lý các điểm tồn lưu thuốc bảo vệ thực vật.

Khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên trên cơ sở thực hiện tốt quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt. Bố trí quỹ đất cho sản xuất và xây dựng trên địa bàn bảo đảm hiệu quả cao. Tăng cường hoạt động bảo vệ, phát triển tài nguyên rừng thông qua việc xây dựng và thực hiện các dự án phát triển rừng. Tăng cường công tác kiểm tra, tổ chức tốt việc khai thác khoáng sản để nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội.

8. Tiếp tục phát triển văn hóa, xã hội; thực hiện công tác xóa đói giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội

Nâng cao hơn nữa chất lượng giáo dục, y tế và các hoạt động văn hoá, thể thao. Tiếp tục quy hoạch, xây dựng, củng cố mạng lưới trường, lớp học. Thực hiện tốt phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi. Khuyến khích mở rộng, phát triển đào tạo chuyên nghiệp và dạy nghề. Đẩy mạnh xã hội hoá sự nghiệp giáo dục đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể dục thể thao gắn với tăng cường công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực này. Từng bước nâng cấp và hiện đại hoá hệ thống bệnh viện, các trung tâm y tế, trạm y tế. Tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao chất lượng phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá". Chú trọng xây dựng đơn vị văn hoá, gia đình văn hoá một cách thực chất. Thực hiện tốt công tác giải quyết việc làm, chính sách đối với người và gia đình có công và công tác bảo trợ xã hội. Tăng cường huy động các nguồn lực xã hội vào công tác xoá đói giảm nghèo và đảm bảo an sinh xã hội.

9. Tăng cường quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo trật tự an toàn xã hội

Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và trách nhiệm của công dân trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Làm tốt công tác đảm bảo quốc phòng an ninh, phòng chống tội phạm, đảm bảo trật tự an toàn giao thông. Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án theo tinh thần Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Thực hiện tốt công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại tố cáo của công dân ngay từ cơ sở. Không để xảy ra điểm nóng, hạn chế đoàn đông người và đơn thư vượt cấp.

10. Tăng cường công tác cải cách hành chính, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, đôn đốc tổ chức thực hiện

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, đặc biệt là các lĩnh vực thuế, hải quan, kho bạc nhà nước, bảo hiểm xã hội... theo hướng tạo thuận lợi ở mức cao nhất cho người dân và doanh nghiệp. Tăng cường công tác thanh tra công vụ, kiểm tra, giám sát việc thực hiện; xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực, những nhiễu, vi phạm pháp luật trong hoạt động công vụ. Thực hiện có hiệu quả cơ chế giao dịch một cửa và một cửa liên thông theo Quyết định 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Triển khai các hình thức lấy ý kiến về mức độ hài lòng đối với việc cung cấp dịch vụ hành chính công và dịch vụ sự nghiệp công. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước.

- Tiếp tục cải cách chế độ công vụ, công chức; xác định vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức; tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế. Nâng cao chất lượng ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đảm bảo tính phù hợp, khả thi và phát huy hiệu quả.

- Tăng cường công tác phối hợp, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện thủ tục hành chính trong triển khai dự án đầu tư tại các cấp chính quyền địa phương; phát hiện và xử lý nghiêm những cán bộ, công chức có hành vi nhũng nhiễu, gây cản trở cho tổ chức, cá nhân khi thi hành công vụ.

- Thực hiện tốt chế độ công khai, minh bạch về kinh tế, tài chính trong các cơ quan hành chính, đơn vị ứng dịch vụ công, doanh nghiệp nhà nước. Công khai minh bạch về cơ chế, chính sách, các dự án đầu tư, xây dựng cơ bản, mua sắm từ ngân sách nhà nước, huy động đóng góp của nhân dân, quản lý và sử dụng đất đai, khoáng sản, tài sản công, công tác tiếp nhận, bổ nhiệm cán bộ. Xử lý nghiêm minh, kịp thời, công khai cán bộ, công chức, viên chức tham nhũng; tổ chức, cá nhân gây thất thoát, lãng phí tài sản của nhà nước và nhân dân. Phát huy vai trò của Hội đồng Nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Nhân dân, các phương tiện thông tin đại chúng trong việc giám sát cán bộ, công

chức, phát hiện, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí; cổ vũ, động viên phong trào tiết kiệm trong sản xuất và tiêu dùng.

Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, chú trọng việc trao đổi các văn bản, tài liệu chính thức giữa các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử trong quy trình xử lý công việc của từng cơ quan hành chính nhà nước; giữa các cơ quan hành chính nhà nước với nhau và trong giao dịch với tổ chức, cá nhân. Đưa vào khai thác, sử dụng các dịch vụ công mức độ cao. Thực hiện có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng trong các cơ quan hành chính nhà nước.

Điều 3. Thông qua danh mục các dự án giai đoạn 2016 - 2020

1. Danh mục các dự án hạ tầng quan trọng có sử dụng vốn ngân sách thực hiện trong giai đoạn 2016 – 2020 (có phụ lục I kèm theo);

2. Danh mục các dự án trọng điểm xúc tiến, vận động đầu tư giai đoạn 2016 – 2020 (có phụ lục II kèm theo).

Điều 4. Tổ chức thực hiện Nghị quyết về kế hoạch 5 năm 2016-2020

Thực hiện kế hoạch 5 năm 2016-2020 là nhiệm vụ của nhân dân toàn tỉnh, các cơ quan Nhà nước, các cấp, các ngành, Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức thành viên.

Ủy ban nhân dân tỉnh và chính quyền các cấp nâng cao hơn nữa hiệu lực chỉ đạo, điều hành, đổi mới và cải tiến phương pháp tổ chức, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh đã đề ra trong kế hoạch 5 năm 2016-2020. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch 5 năm, nếu có những biến động cần điều chỉnh, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định tại kỳ họp gần nhất.

Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, các đại biểu HĐND tỉnh nêu cao hơn nữa tinh thần trách nhiệm của các cơ quan và đại biểu dân cử trong việc giám sát, thực hiện các Nghị Quyết của HĐND tỉnh.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên, động viên các tầng lớp nhân dân trong tỉnh phát huy vai trò làm chủ, nêu cao tinh thần yêu nước, tích cực thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kế hoạch 5 năm 2016-2020, tham gia giám sát hoạt động của cơ quan Nhà nước, đại biểu dân cử và cán bộ công chức Nhà nước.

Hội đồng Nhân dân tỉnh kêu gọi đồng bào, cán bộ, chiến sỹ tỉnh nhà phát huy tính năng động, sáng tạo, gương mẫu, cần kiệm trong lao động sản xuất, trong cuộc sống, đóng góp sức người, sức của, góp phần đẩy mạnh công cuộc đổi mới toàn diện, phấn đấu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kế hoạch 5 năm 2016 – 2020 để hoàn thành mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Nghệ An khoá XVI, kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 20 tháng 12 năm 2015 và có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày được thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
- Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp (Cục KTVB) (để b/c);
- TT Tỉnh uỷ, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- Website <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Hồ Đức Phức

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN HẠ TẦNG ƯU TIÊN ĐẦU TƯ TRONG GIAI ĐOẠN 2016-2020
Kèm theo Nghị quyết số 191/2015/NQ-HĐND ngày 20/12/2015 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Nghệ An

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Ghi chú
	TỔNG SỐ		
I	Dự án giao thông		
1	Đường bộ cao tốc Bắc Nam, đoạn Hà Nội - Vinh	Trên địa bàn tỉnh	
2	Nâng cấp quốc lộ 7, đoạn Km0 - Km36	Diễn Châu - Đô Lương	
3	Mở rộng QL46 cũ, đoạn Rộ - Đô Lương	Thanh Chương - Đô Lương	
4	Nâng cấp, mở rộng quốc lộ 48, 48B	D.Châu, Ng.Đàn, Q.Hợp, Q. Châu, Q.Phong	
5	Nâng cấp quốc lộ 15A, đoạn Đô Lương - Tân Kỳ	Đô Lương - Tân Kỳ	
6	Cầu Nghi Thiết gắn liền với quốc lộ ven biển	Nghi Lộc	
7	Cầu Yên Xuân	Nghệ An-Hà Tĩnh	
8	Các tuyến đường giao thông liên xã, trung tâm xã	các huyện trong tỉnh	
9	Nâng cấp đường vào các xã đường ô tô chưa vào được 4 mùa	Các xã	
10	Đại lộ Vinh - Cửa Lò	Nghi Lộc - Vinh - Cửa Lò	
11	Đường Ven biển Nghi Sơn - Cửa Lò	Quỳnh Lưu, Diễn Châu, KKT Đông Nam, Cửa Lò	
12	Tuyến Mường Xén - Ta Đô - Khe Kiền	Nghệ An	
13	Đường QL 46 đoạn tránh thị trấn huyện Nam Đàn	Nam Đàn	
14	Hệ thống cầu vượt QL 1A, đường sắt Bắc Nam	Các huyện	
15	Cầu vượt sông Lam; Cầu Sông Hiếu	Hung Nguyên, Thái Hòa	
16	Các tuyến đường cứu hộ, cứu nạn khắc phục thiên tai	các huyện trong tỉnh	
17	XD cầu treo và cầu cứng qua sông suối trên địa bàn các huyện miền núi	Nghệ An	
18	Các tuyến đường nội thị thị trấn các huyện	Các huyện	
19	Đường nối từ KCN Hoàng Mai II đến nhà máy xi măng Tân Thắng	Quỳnh Lưu	
20	Đường nối đường NS KKT Đông Nam đến Hoà Sơn (Đô Lương) - Tân Long (Tân Kỳ)	Nghi Lộc - Đô Lương - Yên Thành - Tân Kỳ	
21	Đường Quốc lộ 48 tránh trung tâm đô thị Thái Hòa	Thái Hòa	
22	Đường nối Quốc lộ 48 (Nghệ An) - Quốc lộ 45 (Thanh Hóa).	Các huyện	
23	Đường giao thông vào trung tâm 2 xã biên giới Mai Sơn và Nhôn Mai, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An	Tương Dương	
24	Tuyến đường Tam Hợp - Hạnh Lâm	Tương Dương - Thanh Chương	
25	Tuyến đường Nghi Thái - Nghi Vạn (Nghi Lộc) - Đô Lương	Nghi Lộc - Đô Lương	
26	Đường GT liên xã Châu Quang - Châu Thái - Châu Cường (giai đoạn 2, đoạn qua xã Châu Cường), huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An	Quỳnh Hợp	
27	Sửa chữa, nâng cấp đường GT Khuôn - Đại Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An	Đô Lương	
28	Đường GT Thành Sơn đi Thọ Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An	Anh Sơn	
29	Đường GT vành đai phía Bắc huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An	Nam Đàn	

30	Đường GT nối QL46 với đường TL542B tại xã Hưng Thịnh và đường Lê Xuân Đào tại xã Hưng Thông, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An (giai đoạn 1)	Hưng Nguyên	
31	Đường giao thông phục vụ quốc phòng an ninh biên giới đoạn nối từ đường Mường Xén-Ta Đò-Khe Kiền lên đường tuần tra biên giới	Kỳ Sơn	
32	Đường giao thông phục vụ Quốc phòng - An ninh biên giới đoạn nối từ đường Hồ Chí Minh đến cầu Sườn nối với đường lên Mốc 10 đường Tuần tra biên giới, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	Thanh Chương	
33	Đường cứu hộ vùng lũ, đảm bảo an ninh quốc phòng các xã từ Nghĩa Lâm đến Nghĩa Bình, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An	Nghĩa Đàn	
34	Đường giao thông trục chính dọc trung tâm thị trấn Quán Hành, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Nghi Lộc	
II	Dự án hạ tầng đô thị, điện, cấp thoát nước, môi trường		
1	Xây dựng nhà máy nước phục vụ các đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp và các điểm dân cư tập trung	Các đô thị và điểm dân cư tập trung	
2	Nâng cấp và xây dựng mới đường dây và trạm biến thế điện	Toàn tỉnh	
3	Hệ thống bãi rác và nhà máy xử lý rác thải rắn	Các đô thị và các huyện	
4	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị	Các đô thị	
5	Xử lý ô nhiễm môi trường do thuốc bảo vệ thực vật	Các điểm ô nhiễm đã xác định	
6	Phát triển đô thị Vinh	Vinh	
7	Dự án Nước sạch xã Hưng Hòa - Thành phố Vinh	Vinh	
8	Nước sạch vùng thị trấn Quán Hành - Nam Cẩm	KKT Đông Nam	
9	Nhà máy và hệ thống cấp nước khu vực Hoàng Mai - Đông Hồi	Hoàng Mai - Quỳnh Lưu	
10	Dự án thoát nước thị xã Thái Hoà	TX Thái Hoà	
11	Thoát nước và xử lý chất thải thành phố Vinh	Vinh	
12	Dự án cấp nước vùng phụ cận thành phố Vinh	Vinh	
13	Hạ tầng đô thị thị xã Hoàng mai	Thị xã Hoàng mai	
14	Hệ thống giao thông trục chính khu trung tâm từ đường ngang số 6 đến đường ngang số 11, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An	Cửa Lò	
15	Đường trục dọc số III, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An (giai đoạn 1)	Cửa Lò	
16	Đường ngang trục chính số 22, đô thị du lịch biển Cửa Lò, tỉnh Nghệ An.	Cửa Lò	
17	Tuyến đường ngang N8 (giai đoạn 2), thuộc dự án hạ tầng trung tâm đô thị thị xã Thái Hoà, tỉnh Nghệ An	Thái Hòa	
18	Đường trục dọc D2, khu đô thị Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An	Hoàng Mai	
19	Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Quỳnh Vinh, thị xã Hoàng Mai	Hoàng Mai	
20	Khu tái định cư vị trí số 2 thuộc Khu công nghiệp Đông Hồi, tỉnh Nghệ An	Hoàng Mai	
21	Đường trục ngang N2, khu đô thị Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An	Hoàng Mai	
22	Đường gom đường sắt Bắc Nam đoạn Nam Cẩm - Vinh	Vinh	
III	Hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp		
1	Các tuyến đường thuộc KKT Đông Nam	KKT Đông Nam	
2	Hạ tầng khu phi thuế quan (giai đoạn I)- KKT Đông Nam	KKT Đông Nam	

3	Nâng cấp cảng Cửa Lò gắn với KKT Đông Nam	KKT Đông Nam	
4	Hạ tầng KCN Nam Cẩm mở rộng (thuộc KKT Đông Nam)	KKT Đông Nam	
5	Hạ tầng khu A Khu công nghiệp Thọ Lộc (thuộc KKT Đông Nam)	KKT Đông Nam	
6	Hạ tầng KCN Hoàng Mai giai đoạn I	Hoàng Mai	
7	Hạ tầng KCN Đông Hồi	Hoàng Mai	
8	Hạ tầng KCN Tân Kỳ	Tân Kỳ	
9	Hạ tầng KCN Nghĩa Đàn	Nghĩa Đàn	
10	Hạ tầng KCN Quỳnh Hợp	Quỳnh Hợp	
11	Mở rộng Cụm công nghiệp Trảng Kè, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An	Yên Thành	
12	Hệ thống xử lý nước thải khu B, KCN Nam Cẩm công suất 2.400 m ³ /ngày đêm	KKT Đông Nam	
13	Đường cứu nạn và tái định cư các khu dân cư ven biển Đông Hồi, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An	KKT Đông Nam	
14	Hệ thống xử lý nước thải tại KCN Đông Hồi	KKT Đông Nam	
15	Khu tái định cư khu công nghiệp Đông Hồi (vị trí số 1) huyện Quỳnh Lưu	KKT Đông Nam	
IV Dự án nông nghiệp và Phát triển nông thôn			
1	Hồ chứa nước Bản Mỏ	Quỳnh Hợp, Quỳnh Châu	
2	Cống ngăn mặn giữ ngọt sông Lam	TP Vinh, Hưng Nguyên	
3	Cống ngăn mặn giữ ngọt sông Hoàng Mai	Hoàng Mai	
4	Hồ chứa nước Khe Lại - Vực Mầu	Hoàng Mai	
5	Xây dựng hồ chứa nước Khe Hạc	Yên Thành	
6	Nâng cấp hệ thống thủy nông Bắc	Đô Lương, Diễn Châu, Yên Thành, Quỳnh Lưu	
7	Nâng cấp hệ thống thủy nông Nam	Nam Đàn, Hưng Nguyên, Nghi Lộc, TP Vinh	
8	Cải tạo, nâng cấp kênh Trà Lam	Nam Đàn, Hưng Nguyên	
9	Sửa chữa, nâng cấp tuyến kênh tưới, tiêu Lê Xuân Đào, huyện Hưng Nguyên	Hưng Nguyên	
10	Các dự án cải tạo nâng cấp hệ thống tiêu úng, thoát lũ	Yên Thành, Diễn Châu, Quỳnh Lưu, Nam Đàn, Hưng Nguyên, Nghi Lộc	
11	Nâng cấp hệ thống đê Sông Cả	Nam Đàn, Đô Lương, Thanh Chương	
12	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đê sông Bùng, đoạn qua xã Diễn Ngọc - Diễn Kỳ, huyện Diễn Châu	Diễn Châu	
13	Xây dựng kè chống sạt lở bờ sông Lam, đoạn qua các xã Cát Vần, Thanh Tiên, Thanh Lĩnh, Võ Liệt, huyện Thanh Chương	Thanh Chương	
14	Xây dựng kè chống sạt lở bờ sông Hiếu, đoạn qua thị trấn Tân Lạc và xã Châu Hạnh, huyện Quỳnh Châu	Quỳnh Châu	
15	Xây dựng kè chống sạt lở bờ sông Lam, đoạn qua các xã Nam Sơn, Bắc Sơn, Đặng Sơn, huyện Đô Lương	Đô Lương	
16	Nâng cấp tuyến đê sông Mor, đoạn qua các xã Tiến Thủy, Quỳnh Nghĩa, Quỳnh Bảng, Quỳnh Thanh, Quỳnh Đôi, Quỳnh Yên, huyện Quỳnh Lưu	Quỳnh Lưu	
17	Nâng cấp cảng cá Lạch Quên, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	Quỳnh Lưu	
18	Nâng cấp và nạo vét luồng lạch khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Lạch Lò, tỉnh Nghệ An	Cửa Lò - Nghi Lộc	
19	Nâng cấp, cải tạo hạ tầng khu nuôi trồng thủy sản huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	Quỳnh Lưu	

20	Nâng cấp, cải tạo hạ tầng khu nuôi trồng thủy sản thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An	Hoàng Mai	
21	Xây dựng hệ thống cấp nước biển nuôi tôm công nghiệp theo quy chuẩn VietGap tại xã Quỳnh Bảng, huyện Quỳnh Lưu	Quỳnh Lưu	
22	Sửa chữa, nâng cấp và mở rộng các Trạm giống chăn nuôi thuộc Trung tâm giống chăn nuôi Nghệ An	các huyện vùng dự án	
23	Dự án Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Nghệ An giai	các huyện vùng dự án	
24	Dự án xây dựng và phát triển khu Dự trữ sinh quyển miền Tây Nghệ An	các huyện vùng dự án	
V	Dự án về Khoa học công nghệ và thông tin truyền thông		
1	Công viên Công nghệ - Thông tin	Vinh	
2	Nâng cấp và phát triển Trung tâm kiểm định xây dựng Nghệ An ngang tầm đơn vị vùng Bắc Trung Bộ	Vinh	
3	Tăng cường năng lực đo lường thử nghiệm của Chi cục Tiêu chuẩn- đo lường- chất lượng Nghệ An đáp ứng yêu cầu của Vùng Bắc Trung bộ	Vinh	
4	Xây dựng sân giao dịch thiết bị - công nghệ vùng Bắc Trung Bộ	Vinh	
5	Khu công nghệ cao trong khu kinh tế Đông Nam	KKT Đông Nam	
6	Xây dựng trạm thực nghiệm và nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học vùng Miền Tây Nghệ An	Nghĩa Đàn	
7	Xây dựng trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Nghệ An	Vinh	
VI	Dự án giáo dục, y tế, văn hoá, xã hội		
VI.1	Giáo dục đào tạo, dạy nghề		
1	Nâng cấp Trường Đại học Vinh	Vinh	
2	Xây dựng trường Đại học Y khoa Vinh	Vinh	
3	XD trường CĐ văn hoá nghệ thuật lên hệ đại học	Vinh	
4	XD Trường Đại học Kinh tế Nghệ An	Vinh	
5	Nâng cấp Trường Cao đẳng sư phạm Nghệ An thành trường Đại học Nghệ An	Vinh	
6	Xây dựng Trường THPT Dân tộc nội trú II	Vinh	
7	Xây dựng Trường chuyên THPT Phan Bội Châu	Vinh	
8	Nâng cấp Trường Đại học sư phạm kỹ thuật Vinh	Vinh	
9	Trường Trung cấp nghề Dân tộc miền núi Nghệ An	Con Cuông	
10	Trường trung cấp nghề kinh tế kỹ thuật miền Tây Nghệ An	TX Thái Hoà	
11	Xây dựng nâng cấp cơ sở vật chất Trường Trung cấp nghề Kinh tế-Công nghiệp, thủ công nghiệp Nghệ An	Vinh	
12	Trường Cao đẳng nghề Du lịch và Thương mại Nghệ An	Cửa Lò	
13	Kiên cố hoá trường, lớp học và nhà công vụ giáo viên	Toàn tỉnh	
14	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng	Vinh	
15	Xây dựng Trường Trung cấp nghề kỹ thuật công, nông nghiệp Yên Thành	Yên Thành	
16	Xây dựng Trường Trung cấp nghề kinh tế kỹ thuật Nghi Lộc	Nghi Lộc	
17	Xây dựng Trường Trung cấp nghề kinh tế kỹ thuật Đô Lương	Đô Lương	
18	Xây dựng Trường Trung cấp nghề KT-KT Bắc Nghệ An	Quỳnh Lưu	

19	Trường Trung cấp nghề Công nghệ và Truyền thông NA	Vinh	
20	Đầu tư xây dựng hệ thống Trung tâm bồi dưỡng chính trị, Trường chính trị tỉnh	Toàn tỉnh	
21	Xây dựng Trường phổ thông DTNT THCS Con Cuông	Con Cuông	
VI.2 Lĩnh vực y tế			
1	Xây dựng bệnh viện đa khoa 700 giường (gđ2)	Vinh	
2	Xây dựng bệnh viện sản nhi	Vinh	
3	Xây dựng Bệnh viện Ung bướu tỉnh Nghệ An	Vinh	
4	Xây dựng bệnh viện khu vực Tây Bắc	Nghĩa Đàn	
5	XD bệnh viện khu vực Tây Nam	Con Cuông	
6	Bệnh viện Mắt Nghệ An	Vinh	
7	Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp và mở rộng Bệnh viện Tâm thần Nghệ An	Vinh	
8	Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS	Vinh	
9	Xây dựng bệnh viện chấn thương chỉnh hình	Vinh	
10	Trung tâm Huyết học- truyền máu	Vinh	
11	Đầu tư các bệnh viện đa khoa tuyến huyện	Toàn tỉnh	
12	Xây dựng cơ sở vật chất Trung tâm y tế tuyến huyện	Toàn tỉnh	
13	Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho hệ thống trạm y tế xã; Phòng khám đa khoa khu vực	Toàn tỉnh	
14	Chuẩn quốc gia Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh	Vinh	
VI.3 Lĩnh vực văn hoá thông tin, thể thao			
1	Dự án bảo tồn, tôn tạo Khu di tích Kim Liên gắn với phát triển du lịch (giai đoạn 2)	Nam Đàn	
2	Dự án Trung tâm Văn hoá Thanh - Thiếu niên Nghệ An (giai đoạn 1)	Vinh	
3	Bảo tồn, tôn tạo khu di tích lịch sử Trương Bồn	Đô Lương	
4	Dự án phục dựng Văn miếu Nghệ An	Vinh	
5	Xây dựng khu tưởng niệm Đ/c Lê Hồng Phong	Hung Nguyên	
6	Bảo tồn và phát huy giá trị di tích Xô Viết Nghệ Tĩnh	Hung Nguyên	
7	Tôn tạo, nâng cấp Khu di tích đồng chí Phan Đăng Lưu	Yên Thành	
8	Tu bổ, tôn tạo di tích nhà thờ và mộ Hồ Tùng Mậu	Quỳnh Lưu	
9	Tu bổ tôn tạo di tích lịch sử văn hóa nhà thờ họ Hồ	Quỳnh Lưu	
10	Xây dựng Trung tâm bảo tồn và phát huy di sản dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh	Vinh	
11	Xây dựng thiết chế VH-TT cấp huyện xã	Các huyện, thành, thị	
12	Xây dựng Trung tâm đào tạo và huấn luyện thể thao thành tích cao tỉnh Nghệ An và Xây dựng Khu liên hợp thể thao vùng Bắc Trung Bộ	Vinh	
13	Phát triển Đài phát thanh - Truyền hình Nghệ An ngang tầm đài phát thanh truyền hình khu vực	Vinh	
VI.4 An sinh xã hội và các vấn đề xã hội khác			
1	Đầu tư xây dựng hệ thống công trình thực hiện Nghị quyết 30a/NQ-CP	Tương Dương, Kỳ Sơn, Quế Phong	
2	Xây dựng đài Tưởng niệm các liệt sỹ tỉnh Nghệ An	Vinh	
3	Xây dựng mở rộng, nâng cấp Trung tâm Bảo trợ xã hội Nghệ An	Đô Lương	
4	Đầu tư cơ sở vật chất các Trung tâm lao động xã hội	Kỳ Sơn, Quế Phong, Tương Dương, Nghĩa Đàn, Anh Sơn, Vinh; Phúc Sơn-Anh Sơn	
5	Tăng cường cơ sở vật chất các cơ sở dạy nghề theo QĐ 1956/QĐ.TTg ngày 27/11/09	các huyện	
6	Nhà ở xã hội ở Thành phố Vinh	TP Vinh	
7	Nhà ở công nhân ở các Khu Công nghiệp	Các KCN	
8	Ký túc xá sinh viên	các trường Cao đẳng, Đại học	

9	Nâng cấp khu điều dưỡng thương binh tâm thần kinh Nghệ An	Nghi Lộc	
10	Nâng cấp Trung tâm điều dưỡng Thương binh nặng Nghệ An	Nghi Lộc	
11	Trung tâm Bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Nghệ An cơ sở 2	Cửa Lò	
12	Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Nghệ An cơ sở 2	Nghĩa Đàn	
VII Dự án quản lý Nhà nước và quốc phòng an ninh			
1	Chính phủ điện tử	Các cơ quan Nhà nước	
2	Trụ sở các cơ quan nhà nước quốc phòng an ninh cấp tỉnh	Nghệ An	
3	Trụ sở các cơ quan nhà nước quốc phòng an ninh cấp huyện	Nghệ An	
4	Trụ sở làm việc các cơ quan nhà nước cấp xã	Toàn tỉnh	
VIII Dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP)			
1	Đường giao thông Quốc lộ 48, tuyến tránh thị xã Thái Hòa	Thị xã Thái Hòa và huyện Nghĩa Đàn	Tiên phong
2	Chợ thương mại Nghi Thủy, thị xã Cửa Lò	Thị xã Cửa Lò	Tiên phong
3	Xây dựng Nhà máy nước sạch huyện Nghĩa Đàn	Huyện Nghĩa Đàn	
4	Chợ vùng Sa Nam, huyện Nam Đàn	Huyện Nam Đàn	
5	Xây dựng Trung tâm xử lý rác thải y tế nguy hại khu vực thành phố Vinh và các huyện lân cận	Huyện Hưng Nguyên	
6	Xây dựng Bệnh viện Đông y chất lượng cao	Thành phố Vinh	

ĐVL

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 2: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH TRỌNG ĐIỂM GIAI ĐOẠN 2016-2020
Kèm theo Nghị quyết số 191/2015/NQ-HĐND ngày 20/12/2015 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Nghệ An

TT	Tên dự án	Địa điểm	Quy mô/công suất	Ghi chú
	TỔNG CỘNG			
I	Đầu tư Cơ sở hạ tầng			
1	Xây dựng và kinh doanh cảng nước sâu, cảng Container Cửa Lò (tàu 5 vạn tấn)	TX Cửa Lò	125 ha	
2	Xây dựng và kinh doanh Cảng Đông Hồi (cảng chuyên dùng, tàu 1-3 vạn DWT)	H.Quỳnh Lưu	10 triệu tấn/năm	
3	Đầu tư kinh doanh hạ tầng Cảng Đông Hồi	KKT Đông nam	250 ha	
4	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Thọ Lộc	KKT Đông Nam	1.200 ha	
5	Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu A, D - KCN Nam Cẩm	KKT Đông Nam	1600 ha	
6	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghệ cao	KKT Đông Nam	94 ha	
7	Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp Hoàng Mai 2	Huyện Quỳnh Lưu	314ha	
8	Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp Sông Dinh	Huyện Quỳnh Hợp	301 ha	
9	Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp Tân Kỳ	Huyện Tân Kỳ	600 ha	
10	Đầu tư xây dựng Khu xử lý nước thải (Khu A,B,C,D) - KCN Nam Cẩm	KKT Đông Nam		
11	Đầu tư xây dựng Khu xử lý nước thải KCN Thọ Lộc.	KKT Đông Nam		
12	Đầu tư xây dựng Nhà máy xử lý rác thải	KKT Đông Nam		
13	Đầu tư khu xử lý nước thải khu công nghiệp Thọ lộc	Khu KT Đông nam	2 ha	
14	Hệ thống cấp nước cho KCN Hoàng Mai, Đông Hồi	TX Hoàng Mai		
15	Đầu tư xây dựng nhà máy nước phía Bắc và phía Nam KKT Đông Nam	KKT Đông Nam.	Phía Bắc: 17.000 m3 ngày/đêm; Phía Nam: 26.000m3/ngày	
16	Xây dựng Hệ thống cấp nước khu vực Hoàng Mai	Huyện Quỳnh Lưu	125.000 m3/ngày, đêm đến 185.000 m3/ngày đêm	

TT	Tên dự án	Địa điểm	Quy mô/công suất	Ghi chú
17	Đường nối N5 KKT Đông Nam - Hòa Sơn (Đô Lương) - Tân Long (Tân Kỳ)	Nghi Lộc - Đô Lương - Yên Thành - Tân Kỳ	57 km	
18	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống đê chắn sóng và luồng tàu khu cảng Đông Hải	cảng Đông Hải	1300 ha	
19	Xây dựng bến xe, chợ, trung tâm thương mại cửa khẩu Thanh Thủy	Thanh Chương,	200ha	
20	Bệnh viện đa khoa GD 2	Tp Vinh	600 giường bệnh	
II	Lĩnh vực Công nghiệp - Xây dựng			
1	Nhà máy xi măng Hoàng Mai 2	Hoàng Mai	4,5 triệu tấn/năm	
2	Nhà máy xi măng Tân Thắng	Quỳnh Lưu	2 triệu tấn/năm	
3	Nhà máy xi măng Sông Lam	Đô Lương	2 triệu tấn/năm (GDI)	
4	Cụm nhiệt điện 2	H. Quỳnh Lưu	1.200 MW	
5	Thủy điện Bán Mòng	Quỳ Hợp	60MW	
6	Cụm công nghiệp dệt may	Các huyện đồng bằng;		
7	Cụm công nghiệp dệt may	KKT Đông Nam	30.000 tấn sợi; 10 triệu SP/năm	
8	Nhà máy may Venture Nghệ An	H. Thanh Chương	200.000 SP/ năm	
9	Nhà máy may Vinatex Hoàng Mai	TX Hoàng Mai	9,15 triệu SP	
10	Nhà máy may tại Huyện Nghĩa Đàn	H. Nghĩa Đàn	150.000 SP/ năm	
11	Tổ hợp sản xuất nguyên vật liệu, phụ kiện dây dáp công nghệ cao	Nghi Lộc	10 triệu SP/ năm	
12	Nhà máy sản xuất phụ tùng và lắp ráp ô tô	KKT Đông Nam	2.500 SP/năm	
13	Dự án công nghiệp sản xuất phụ tùng ô tô, máy phục vụ sản xuất nông nghiệp, tàu thuyền..	KKT Đông Nam		
14	Các dự án công nghiệp phụ trợ ngành sản xuất tàu thủy	KKT Đông Nam		
15	Nhà máy sản xuất sản phẩm điện tử, vi điện tử và điện dân dụng	KKT Đông Nam; Công viên CNTT		
16	Nhà máy sản xuất sản phẩm điện tử, vi điện tử	KKT Đông Nam	80.000 SP	
17	Phát triển công nghệ thông tin: Sản xuất phần cứng, sản xuất phần mềm	KKT Đông Nam		
18	Nhà máy sản xuất thiết bị viễn thông.	KKT Đông Nam	50.000 sản phẩm	
19	Nhà máy sản xuất và lắp ráp các bảng mạch điện tử	KKT Đông Nam	2 triệu SP/năm	
20	Nhà máy sản xuất và lắp ráp đồ điện dân dụng	KKT Đông Nam	20.000 sản phẩm	

TT	Tên dự án	Địa điểm	Quy mô/công suất	Ghi chú
21	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất thiết bị phụ trợ công nghệ cao.	KKT Đông Nam		
22	Nhà máy sản xuất sản phẩm kim khí (với các sản phẩm là các kệ, giá đỡ dùng trong kho tàng của các cơ sở công nghiệp, siêu thị, đồ dùng nội thất, các sản phẩm kim khí gia dụng bằng inox, hoặc sản phẩm kim loại mạ)	KKT Đông Nam	2000 tấn/năm	
23	Cải tạo Khu A, Khu B, Khu chung cư Quang Trung	Tp Vinh		
24	Khu đô thị mới Smart City Vinh	Tp Vinh	70 ha	
25	Tổ hợp khu Công nghiệp, Đô thị và dịch vụ (Vsip - Becamex)	Khu KT Đông nam	1.791 Ha	
26	Tổ hợp sản xuất công nghiệp công nghệ cao	Huyện Nam Đàn	25Ha	
27	Tổ hợp sản xuất tinh dầu, dược liệu, thực phẩm chức năng công nghệ cao		5000 tấn SP/năm	
28	Nhà máy chế biến thực phẩm (Massan)	KKT Đông nam	3000 tấn/	
29	Nhà máy sản xuất rượu bia nước giải khát	Khu CN Hoàng mai	0,5 ha	
30	Dự án nhà máy chế biến Sữa và các sản phẩm từ sữa	Khu CN Hoàng mai	0,5 ha	
31	Nhà máy đồ gỗ nội thất, đồ gỗ văn phòng từ nguyên liệu nhập khẩu và rừng trồng	Huyện Đô Lương	10.000 m3/năm	
32	Dự án sản xuất sắt xộp Kobelco - Nhật Bản	KCN Hoàng Mai	1 triệu tấn/năm (GĐ I)	
33	Nhà máy sản xuất tôn Hoa sen	Khu KT Đông nam	10 Ha; 3000 tấn/năm	
34	Nhà máy Bê tông đúc sẵn tại Đông Hội	Quỳnh Lưu	400 ngàn tấn SP/năm	
35	Nhà máy bê tông nhẹ cốt liệu rỗng	Tân Kỳ hoặc Nghĩa Đàn	100.000-200.000 m3/năm	
36	Nhà máy sản xuất gạch granite tự nhiên, nhân tạo	Anh Sơn, Phú Quý, Tương Dương, Tân Kỳ	1,5 triệu m2	
37	Dự án sản xuất các sản phẩm gốm, sứ cao cấp.	KCN Hoàng Mai		
38	Khai thác và chế biến đá ốp lát Marble	Tân Kỳ	1 triệu m2/năm	
39	Nhà máy sản xuất VLXD và vật liệu chịu lửa	KCN Hoàng Mai	15.000 tấn/năm	
40	Các dự án đầu tư xây dựng nhà máy liên hiệp khai thác, chế biến đá ốp lát, đá thủ công mỹ nghệ và bột đá siêu mịn.	Các KCN: Sông Dinh, Tân Kỳ, Nghĩa Đàn		

TT	Tên dự án	Địa điểm	Quy mô/công suất	Ghi chú
41	Nhà máy sản xuất vật liệu mới, vật liệu xây dựng siêu nhẹ, vật liệu cao cấp, vật liệu chống cháy..	KCN Hoàng Mai		
42	Nhà máy sản xuất tấm trần từ thạch cao, công suất 300.000 m2/năm	KKT Đồng Nam		
43	Các dự án sản xuất vật liệu xây dựng, phụ tùng ô tô, máy nông nghiệp..	Các KCN: Sông Dinh, Tân Kỳ, Nghĩa Đàn		
44	Nhà máy sản xuất nhựa cao cấp, nhựa phụ trợ	KKT Đồng Nam	100.000 tấn/năm	
45	Sản xuất sơn tường	KKT Đồng Nam	500.000 tấn/năm	
46	Nhà máy sản xuất giấy	KKT Đồng Nam	40.000 tấn SP/năm	
47	Nhà máy sản xuất chất đốt sinh khối	H. Anh Sơn	30.000 tấn SP/năm	
48	Các dự án chế biến lâm sản, sản xuất phân bón, hoá chất	Các KCN: Sông Dinh, Tân Kỳ, Nghĩa Đàn		
49	Sản xuất thuốc chữa bệnh	TP Vinh	1000 triệu SP/năm	
III	Lĩnh vực Nông nghiệp			
1	Dự án trồng cao su trên địa bàn tỉnh Nghệ An	Quê Phong, Anh Sơn, Thanh Chương và các huyện khác theo quy hoạch	7.000 ha	
2	Trồng và chế biến chè (chế biến chè chất lượng cao tại Con Cuông; Sản xuất chè túi hòa tan tại Anh Sơn)	Thanh Chương, Anh Sơn, Con Cuông	5000 tấn chè chất lượng cao/năm; 5000-6000 tấn chè túi/năm	
3	Chăn nuôi và chế biến thịt bò	KKT Đồng Nam	1.500 tấn/ năm	
4	Nhà máy chế biến thịt hộp, thịt đông lạnh	KKT Đồng Nam	5000T/năm	
5	Nhà máy chế biến thủy sản cao cấp	Diễn Châu, Hoàng Mai	10.000 tấn/năm	
6	Nhà máy chế biến và bảo quản hoa quả	KKT Đồng Nam	10.000T/năm	
7	Trồng rau trong nhà kính, nhà lưới	Nghĩa Đàn	520ha	
8	Dự án khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Nghĩa Đàn	200 Ha	
9	Nhà máy chế biến sản phẩm từ lạc	KKT Đồng Nam	40.000 tấn/năm	
10	Nhà máy chế biến sản phẩm từ cao su	Phù Quỳ	10 triệu Sp/năm	
11	Nhà máy tinh bột sắn	các huyện Anh Sơn, Quê Phong	30.000 tấn /năm	
12	Xây dựng nhà máy sản xuất ván sợi (MDF) tại tỉnh Nghệ An (giai đoạn II)	Nghĩa Đàn	300.000m3/năm	

TT	Tên dự án	Địa điểm	Quy mô/công suất	Ghi chú
13	Trồng rừng gắn với chế biến các sản phẩm từ gỗ rừng trồng (Ván ghép thanh, các sản phẩm đồ gỗ,...)	Tây Nghệ An	100.000M3	
14	Trồng và chế biến cây dược liệu	Các huyện miền núi	5.000 tấn SP/năm	
15	Nhà máy sản xuất ván ghép thanh và than củi sạch	Anh Sơn, Thanh Chương và các huyện miền núi khác	62.000 tấn SP/năm	
IV	Thương mại - Dịch vụ			
1	Trung tâm hội nghị cấp Vùng	Cửa Lò	03 ha	
2	Khu liên hiệp thể thao vùng Bắc Trung bộ	Nghi Phong, Nghi Lộc	150 ha	
3	Xây dựng Chợ, trung tâm thương mại dịch vụ các huyện	Các huyện	5.000 m2	
4	Trạm dừng nghỉ cơ giới đường bộ	Nghĩa Đàn - Tân Kỳ	2,0ha	
5	Trạm dừng nghỉ trên Quốc lộ 1	Diễn Châu Quỳnh Lưu	Diễn Châu: 10000m2 Quỳnh Lưu: 8000m2	
6	Dự án xây dựng khu trung tâm thương mại Nguyễn Kim	Thành phố Vinh	1,3 ha	
7	Dự án đầu tư xây dựng trung tâm Logistic	KKT Đông Nam	40 ha	
8	Xây dựng các khu đô thị mới (04 khu)	KKT Đông Nam	1.330 ha	
9	Xây dựng khu đô thị phức hợp Lộc Châu	KKT Đông Nam	5.000 ha	
10	Trường Đào tạo nghề trong KKT Đông Nam	KKT Đông Nam	2000-3000 học viên/năm	
11	Xây dựng khu đô thị cao cấp	TP Vinh	100 ha	
12	Xây dựng khu đô thị tại Hoàng Mai	Hoàng Mai		
V	Du lịch			
1	Tổ hợp Khách sạn, vui chơi giải trí và biệt thự nghỉ dưỡng tại Cửa Lò (Vingoup)	TX Cửa Lò	115,97 ha	
2	Khu du lịch Lâm viên Núi Quyết-Bến Thủy	Tp Vinh	156,6 ha	
3	Khu Du lịch Đền Cờng - Cửa Hiền - Hồ Xuân Dương	Diễn Châu	25 ha	
4	Khu du lịch biển Quỳnh	Quỳnh Lưu	156,6 ha	
5	Khu du lịch sinh thái thác Xao Va	H. Quế Phong	50 ha	
6	Khu du lịch sinh thái Thác Khe Kẽm- Vườn Quốc gia Pù Mát	H. Con Cuông	427.4 ha	

TT	Tên dự án	Địa điểm	Quy mô/công suất	Ghi chú
7	Dự án bảo tồn và phát triển khu dự trữ sinh quyển thế giới miền Tây Nghệ An (Phù Mát, Phù Hoàng, Phù Hoạt)	Các huyện	150,000 ha	
8	Quản thể du lịch sinh thái Lan Châu- Song Ngự	Cửa Lò	129 Ha	
9	Khu du lịch sinh thái Cửa Hội	Phía Nam khu du lịch Cửa Lò	150 ha	
10	Khu du lịch nghỉ dưỡng Đông Bình Minh	Cửa Lò	25 ha	
11	Khu du lịch sinh thái ven sông Lam	Tp Vinh	126.87 ha	
12	Khu du lịch sinh resort Diễn Châu	Diễn Châu	150 ha	
13	Khu Du lịch nghỉ dưỡng sinh thái Phà Lải	H. Con Cuông	50 ha	
14	Khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng	KKT Đông Nam	70 ha	
15	Khu Du lịch Bãi Tiền Phong	H. Nghi Lộc	100 ha	
16	Khu Du lịch Sinh thái Hồ Tráng Đen- chùa Đại Tuệ	H. Nam Đàn	130ha	
17	Khu du lịch hồ Sen	TX Thái Hòa	100 ha	
18	Bảo tồn, tôn tạo phát huy giá trị di chỉ khảo cổ làng Vạc - Thị xã Thái Hòa, gắn với phát triển du lịch văn hóa, lịch sử và sinh thái cảnh quan miền Tây Nghệ An	TX Thái Hòa	194,5 ha	
19	Khách sạn 4-5 sao	Tp Vinh, TX Cửa Lò		
20	Các khu đô thị mới	Toàn tỉnh	500 ha	

26